TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 512/2024/HSPT
Ngày: 23-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Ngọc Thông

Các Thẩm phán: ông Phạm Tấn Hoàng

ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 397/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Tấn B về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HSST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1951/2024/QĐXXPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024.

** Bị cáo có kháng cáo:*

- Bị cáo: Nguyễn Tấn B; sinh ngày 06-9-1965, tại Quảng Nam; nơi cư trú: C đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nơi ở: D đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Luật sư; trình độ văn hóa (học vấn phổ thông): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn K và bà Phạm Thị Kim H; có 05 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt giữ ngày 16-3-2023. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Lê Hữu P, Luật sư Công ty L và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt.

2. Bà Phạm Thị Minh V, Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 16-3-2023, tại quán cà phê số C đường N, quận H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ bắt giữ Nguyễn Tấn B khi đang nhận số tiền 80.000.000 đồng từ vợ chồng Trương Hữu H1 và Nguyễn Thị Tường V1. Qua điều tra xác định, từ ngày 16-02-2023 đến ngày bị bắt giữ nói trên 16-3-2023, Nguyễn Tấn B lợi dụng danh nghĩa Luật sư đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt tiền của Trương Hữu H1, cụ thể:

Lần thứ nhất: ngày 15-02-2023, Nguyễn Thị Tường V1 bị Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Đ tạm giữ hình sự về hành vi *"Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài"*; chồng V1 là Trương Hữu H1 lo lắng cho vợ nên đã liên hệ với 01 người tên V để lo cho V1 được tại ngoại. Ngày 16-02-2023, H1 đi cùng với Nguyễn Duy D là em ruột V1 và 02 người là Nguyễn Khắc H2 và Nguyễn Thị H3 vào Đà Nẵng rồi được V dẫn đến Công ty L1, địa chỉ 04 đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng để gặp Luật sư Nguyễn Tấn B nhờ tư vấn pháp luật.

- Tại đây, H1 trình bày cho B nghe về nội dung hành vi phạm tội của V1, hoàn cảnh gia đình của vợ chồng H1, V1 hiện đang nuôi 02 con nhỏ, rồi H1 nhờ B lo cho V1 được tại ngoại. Là Luật sư nên B biết V1 đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì sẽ không bị bắt tạm giam, nhưng B vẫn nhận lời và hứa trong 06 đến 09 ngày sẽ lo cho V1 trả tự do với chi phí là 500.000.000 đồng. H1 đồng ý chi phí theo yêu cầu của B nên tối các ngày 16 và 17-02-2023, H1 cùng D, H2 và H3 đến lại Công ty Luật Tấn N đưa cho B tổng số tiền mặt 500.000.000 đồng.

- Sau khi nhận đủ tiền, B soạn đơn xin bảo lãnh đưa cho D mang về địa phương xác nhận; hướng dẫn Dương sao lục Giấy khai sinh con của V1 để nộp cùng đơn xin bảo lãnh cho Cơ quan An ninh điều tra; hướng dẫn H1 cách khai báo khi làm việc với Cơ quan An ninh điều tra. Ngày 25-02-2023, sau khi ra Quyết định khởi tố V1 về tội *"Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài"* thì Cơ quan An ninh điều tra trả tự do cho V1 do V1 đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Lần thứ hai: ngày 27-02-2023, Cơ quan An ninh điều tra triệu tập Trương Hữu H1 đến làm việc vì có liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Tường V1 đã bị khởi tố nói trên, H1 tiếp tục liên hệ Nguyễn Tấn B để nhờ giúp cho H1 không bị liên quan. Sau khi thỏa thuận, B đồng ý giúp H1 không liên quan đến vụ án của

V1 với chi phí 450.000.000 đồng và tiền sẽ giao cho B làm 03 lần, lần thứ nhất 100.000.000 đồng và 01 bộ bàn ghế trị giá 70.000.000 đồng; lần thứ 02 và thứ 03 mỗi lần 140.000.000 đồng.

- Ngày 14-3-2023, Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục triệu tập H1 lên làm việc thì H1 biết thông tin do V1 nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên không bị bắt tạm giam chứ không có ai tác động giúp đỡ. Lúc này biết B đã lừa lấy 500.000.000 đồng của mình nên H1 tìm cách thu thập chứng cứ để tố cáo B. Để thực hiện ý định, tối ngày 14-3-2023, H1 và V1 gặp B nói chuyện về việc tiếp tục nhờ B giúp đỡ để H1 không liên quan đến vụ án như đã thỏa thuận nói trên và đưa trước cho B 20.000.000 đồng; đồng thời, H1 ghi âm toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện làm bằng chứng B đã nhận 500.000.000 đồng để lo cho V1 được trả tự do. Ngày 15-3-2023, H1 đến Cơ quan điều tra nộp đơn tố cáo B lừa đảo chiếm đoạt tiền và đến 14 giờ 20 phút ngày 16-3-2023, tại quán cà phê số C N Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ bắt giữ Bắc khi đang tiếp tục nhận 80.000.000 đồng từ vợ chồng H1 như nói trên. Vật chứng thu giữ:

- Trương Hữu H1 giao nộp: 01 USB, hiệu Sandisk, màu đỏ đen;

- Thu giữ của Nguyễn Tấn B: tiền mặt 109.500.000 đồng, trong đó 80.000.000 đồng tiền B nhận của H1 bị bắt quả tang và 29.500.000 đồng tiền của B; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, số imei 357177502581692, gắn sim số 0914462552; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số imei 359871972399548, gắn sim số 0903558579.

Kết luận giám định số 1642/KL-KTHS ngày 30-10-2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng – V2, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file ghi âm mẫu cần giám định. Tiếng nói của người đàn ông được gọi là "bác, anh" trong file ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Tấn B trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Về bồi thường thiệt hại: quá trình điều tra bị hại Trương Hữu H1 yêu cầu Nguyễn Tấn B trả lại tiền đã chiếm đoạt 520.000.000 đồng; gia đình bị cáo B đã nộp cho Cơ quan điều tra quản lý 520.000.000 đồng để thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HSST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn B phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn B 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 3 năm 2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2024 bị cáo Nguyễn Tấn B kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Tấn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: đối với số tiền 500.000.000 đồng bị cáo nhận của bị hại với thoả thuận là để cho V1 được tại ngoại; sau 09 ngày V1 đã được tại ngoại. Như vậy, giao dịch tư vấn pháp luật này đã được bị cáo thực hiện xong, nên việc truy tố và xét xử bị cáo chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng là không chính xác, gây bất lợi cho bị cáo B. Do đó, bị cáo chỉ chiếm đoạt của bị hại H1 tổng số tiền 100.000.000 đồng vì bị cáo không có thẩm quyền và khả năng lo cho H1 không liên quan đến vụ án của vợ là Nguyễn Thị Tường V1. Với hành vi trên, bị cáo B chỉ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* số tiền là 100.000.000 đồng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại toàn bộ tiền chiếm đoạt; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chuyển khung hình phạt và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của Luật sư Phạm Thị Minh V*:* thống nhất như ý kiến bào chữa của Luật sư P.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Tấn B*:* thống nhất như ý kiến bào chữa của Luật sư P.

Ý kiến Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: bị cáo kháng cáo còn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: tội danh của bị cáo đã rõ; về hình phạt trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn B 07 năm tù là phù hợp, không nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bị cáo Nguyễn Tấn B kháng cáo còn trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Tấn B đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình nhưng bị cáo cho rằng đối với số tiền 500.000.000đồng là thoả thuận dân sự, bị cáo đã hoàn thành như thoả thuận là Nguyễn Thị Tường V1 đã được tại ngoại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền này theo quy định của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: trong thời gian từ ngày 16-02-2023 đến 16-3-2023, B lợi dụng danh nghĩa là Luật sư đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt của Trương Hữu H1 tổng số tiền 600.000.000 đồng. Lần thứ nhất: ngày 16-02-2023, B biết vợ H1 là Nguyễn Thị Tường V1 đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên sẽ không bị bắt tạm giam nhưng đưa ra thông tin gian dối lo cho V1 được trả tự do để chiếm đoạt của H1 500.000.000 đồng. Lần thứ hai: ngày 27-02-2023, Cơ quan An ninh điều tra triệu tập H1 đến làm việc vì có liên quan đến vụ án của V1 đã bị khởi tố nói trên, H1 tiếp tục liên hệ Bắc để nhờ giúp cho H1 không bị liên quan, không bị khởi tố trong vụ án của V1 để chiếm đoạt của H1 tổng số tiền 100.000.000 đồng vào các ngày 14 và 16-3-2023. Với hành vi như nêu trên, bị cáo Nguyễn Tấn B đã phạm vào tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* với tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tính chất của vụ án, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tấn B, Hội đồng xét xử nhận thấy: vụ án mà Nguyễn Tấn B gây ra có tính chất, mức độ đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội; hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; vi phạm về quy tắc và ứng xử của nghề Luật sư và đạo đức xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động với gia đình đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại. Vì vậy, bị cáo đã được khắc phục được toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Với hành vi như nêu trên, bị cáo B đã bị truy tố và xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Đồng thời, cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: về tình tiết tăng nặng, bị cáo B đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bị hại H1 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Phạm tội 02 lần trở lên"*, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động với gia đình nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa sơ thẩm bị hại Trương Hữu H1 cũng đề nghị với Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B; bị cáo có cha là ông Nguyễn Văn K1 (Nguyễn Tấn K) được Chủ tịch Nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng nhì vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; được Ban liên lạc truyền thống Sư đoàn 30E tại Thành phố Hồ Chí Minh tặng huy hiệu Vinh danh anh bộ đội cụ H4 và tặng Kỷ niệm chương; được Chính phủ tặng Bảng gia đình vẻ vang chống Mỹ cứu nước; có mẹ là bà Phạm Thị H được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng nhì. Những tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, hoàn cảnh gia đình có 04 con, đã ly hôn với vợ là bà Mai Thị Cẩm X nhưng bị cáo cũng đã tác động với bà X để bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt, khắc phục hậu quả, nên Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo B 07 năm tù là phù hợp, không nặng. Xét lời trình bày của bị cáo và ý kiến bào chữa của các Luật sư về khoản tiền 500.000.000đồng như phân tích tại Mục [2] không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới phát sinh ở Toà án cấp phúc thẩm nên không có cơ sở để xen xét.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn B, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HSST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn B 07 (bảy) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 3 năm 2023.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, việc thi hành án được thực hiện theo bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Nguyễn Tấn B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Thông